



CÔNG TY TNHH MTV THẬP TOÀN 責任有限公司MTV十全  
Điện Thoại 電話: 0274.3595.899/ 0931.532.639

THỰC ĐƠN ĂN TỐI  
12月菜單

上課天數: \_\_ 天

Số ngày: \_\_ ngày

| 週<br>Tuần | 日期<br>Ngày          | 星期一<br>Thứ 2                    | 星期二<br>Thứ 3                                  | 星期三<br>Thứ 4                   | 星期四<br>Thứ 5                      |
|-----------|---------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
|           |                     | 2024/12/2                       | 2024/12/3                                     | 2024/12/4                      | 2024/12/5                         |
| I         | 菜色1<br>MÔ N 1       | 白蘿蔔牛腩<br>Bò kho củ cải trắng    | 洋蔥炒肉+沙茶<br>Heo sợi xào hành + sa trà          | BBQ醬排骨<br>Sườn non sốt BBQ     | 酸魚火鍋<br>lẩu cá canh chua          |
|           | 菜色2<br>MÔ N 2       | 豆腐鑲肉<br>Đậu hũ nhồi thịt        | 鹹蛋熱狗炒豆腐<br>Đậu hũ non xào xúc xích trứng muối | 韭菜炒魚板<br>chả cá xào hẹ         |                                   |
|           | 菜色3<br>MÔ N 3       | 豆芽炒韭菜<br>Giá hẹ xào             | 空心菜炒大蒜<br>Rau muống xào tỏi củ                | 炒白菜<br>Cải thảo xào            |                                   |
|           | 湯<br>Canh           | 絲瓜肉末湯<br>Canh mướp thịt xay     | 蕃茄花蛋湯<br>Canh cà chua trứng                   | 海苔蝦仁湯<br>Rong biển nấu tôm     | 雞蛋麵<br>mì trứng                   |
|           | 飯後甜點<br>Tráng miệng | 水果<br>Trái cây                  | 仙草湯<br>Sương sáo ngọt                         | 水果<br>Trái cây                 | 綠豆地瓜甜湯<br>Chè khoai lang đậu xanh |
| 週<br>Tuần | 日期<br>Ngày          | 星期一<br>Thứ 2                    | 星期二<br>Thứ 3                                  | 星期三<br>Thứ 4                   | 星期四<br>Thứ 5                      |
|           |                     | 2024/12/9                       | 2024/12/10                                    | 2024/12/11                     | 2024/12/12                        |
| II        | 菜色1<br>MÔ N 1       | 什錦炒烏龍麵<br>mì Udon xào thập cẩm  | BBQ醬排骨<br>Sườn non sốt BBQ                    | 宮保雞丁<br>Ức gà xào cung bảo     | 豆腐五花肉<br>Thịt ba rọi tàu hủ       |
|           | 菜色2<br>MÔ N 2       | 碎肉煎蛋<br>Trứng chiên thịt băm    | 四川豬血豆腐乾<br>Đậu hũ khô huyệt heo Tứ Xuyên      | 芋頭燜五花肉<br>Ba rọi hầm khoai môn | 鹹蛋炒苦瓜<br>Khô qua xào trứng muối   |
|           | 菜色3<br>MÔ N 3       | 空心菜炒大蒜<br>Rau muống xào tỏi củ  | 辣炒高麗菜<br>Bắp cải xào cay                      | 炒青江菜<br>Cải thìa xào           | 菜心炒蠔油<br>Cải ngồng sốt dầu hào    |
|           | 湯<br>Canh           | 豬血豆芽湯<br>Canh giá hẹ, huyết heo | 江葉雞肉湯<br>Canh gà lá giang                     | 南瓜排骨湯<br>Canh bí đỏ hầm xương  | 冬瓜肉湯<br>Canh mọc sống nấu bí xanh |
|           | 飯後甜點<br>Tráng miệng | 水果<br>Trái cây                  | 綠豆湯<br>Chè đậu xanh                           | 水果<br>Trái cây                 | 紅豆湯<br>Chè đậu đỏ                 |

| 週<br>Tuần | 日期<br>Ngày          | 星期一<br>Thứ 2                      | 星期二<br>Thứ 3                      | 星期三<br>Thứ 4                               | 星期四<br>Thứ 5                       |
|-----------|---------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|
|           |                     | 2024/12/16                        | 2024/12/17                        | 2024/12/18                                 | 2024/12/19                         |
| III       | 菜色1<br>MÔ N 1       | 宮保雞丁<br>Ức gà xào cùng bảo        | 台式炒麵<br>Mì xào kiểu Đài Loan      | BBQ醬排骨<br>Sườn non sốt BBQ                 | 西蘭花蒸雞<br>Gà hấp cải bẹ xanh        |
|           | 菜色2<br>MÔ N 2       | 鹹蛋炒苦瓜<br>Khô qua xào trứng muối   | 碎肉煎蛋<br>Trứng chiên thịt băm      | 四川豬血豆腐乾<br>Đậu hũ khô huy ế t heo Tứ Xuyên | 麻婆豆腐<br>Đậu hũ Tứ Xuyên            |
|           | 菜色3<br>MÔ N 3       | 冬瓜肉湯<br>Canh mọc sống nấu bí xanh | 空心菜炒大蒜<br>Rau muống xào tỏi củ    | 辣炒高麗菜<br>Bắp cải xào cay                   | 葫蘆瓜蝦仁湯<br>Canh bầu tôm             |
|           | 湯<br>Canh           | 蔬菜炒蠔油<br>Cải ngồng sốt dầu hào    | 豬血豆芽湯<br>Canh giá hẹ, huy ế t heo | 江葉雞肉湯<br>Canh gà lá giang                  | 辣炒高麗菜<br>Bắp cải xào cay           |
|           | 飯後甜點<br>Tráng miệng | 水果<br>Trái cây                    | 椰奶西米露<br>Bột báng nước dừa        | 水果<br>Trái cây                             | 地瓜甜湯<br>Chè khoai lang             |
| 週<br>Tuần | 日期<br>Ngày          | 星期一<br>Thứ 2                      | 星期二<br>Thứ 3                      | 星期三<br>Thứ 4                               | 星期四<br>Thứ 5                       |
|           |                     | 2024/12/23                        | 2024/12/24                        | 2024/12/25                                 | 2024/12/26                         |
| IV        | 菜色1<br>MÔ N 1       | 醬滷東坡肉<br>Thịt heo kho Đông Pha    | 脆炸白帶魚<br>Cá hổ chiên giòn         | 紅燒黑魚<br>Cá lóc kho tộ                      | 炸雞腿<br>Đùi gà chiên                |
|           | 菜色2<br>MÔ N 2       | 蔥花卷蛋<br>trứng cuộn hành           | 五花肉炒筍<br>Măng le xào ba rọi       | 黃瓜洋蔥炒肉<br>Heo sợi xào hành tây dưa leo     | 蕃茄炒蛋<br>Trứng xào cà chua          |
|           | 菜色3<br>MÔ N 3       | 嫩薑炒青白菜<br>Cải xanh xào gừng non   | 甜白菜炒香菇<br>Cải ngọt xào nấm        | 辣炒高麗菜<br>Bắp cải xào cay                   | 蒜燒空心菜<br>Rau muống cháy tỏi        |
|           | 湯<br>Canh           | 酸菜豬肉湯<br>Canh cải chua thịt heo   | 紫菜蛋花湯<br>Canh rong biển trứng     | 葫蘆瓜蝦仁湯<br>Canh bầu tôm                     | 冬瓜新鮮魚湯<br>Canh bí xanh chả cá tươi |
|           | 飯後甜點<br>Tráng miệng | 綠豆甜湯<br>Chè đậu xanh              | 水果<br>Trái cây                    | 果凍<br>rau câu                              | 甜湯<br>chè                          |

| 週<br>Tuần | 日期<br>Ngày          | 星期一<br>Thứ 2                       | 星期二<br>Thứ 3 | 星期三<br>Thứ 4 | 星期四<br>Thứ 5 |
|-----------|---------------------|------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
|           |                     | 2024/12/30                         |              |              |              |
| V         | 菜色1<br>MÓN 1        | 蔥花蒜蓉醬蒸雞<br>Gà hấp hành sốt tỏi xay |              |              |              |
|           | 菜色2<br>MÓN 2        | 豆腐炒肉<br>Đậu hũ, đậu đũa xào thịt   |              |              |              |
|           | 菜色3<br>MÓN 3        | 紫菜蝦仁湯<br>Rong biển tôm             |              |              |              |
|           | 湯<br>Canh           | 大白菜菜炒蒜<br>Cải nhúng xào tỏi        |              |              |              |
|           | 飯後甜點<br>Tráng miệng | 甜湯<br>chè                          |              |              |              |

Đại diện nhà trường  
(ký tên)

Người lập  
(ký tên)

Nguyễn Phước Nghĩa